

TỔNG CỤC THUẾ  
CỤC THUẾ TP HÀ NỘI

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: 90747/CT-TTHT  
V/v chính sách thuế nhà thầu

Hà Nội, ngày 04 tháng 12 năm 2019

**Kính gửi:** Công thông tin điện tử - Bộ Tài chính

Cục Thuế TP Hà Nội nhận được phiếu chuyển số 922/PC-TCT ngày 07/11/2019 của Tổng cục Thuế chuyển thư hỏi của độc giả Cao Huy Bình (phiếu hỏi đáp số 041119-4 ngày 06/11/2019, địa chỉ: Hai Bà Trưng, Hà Nội) (sau đây gọi là “Độc giả”) do Công thông tin điện tử - Bộ Tài chính chuyển đến hỏi về vướng mắc chính sách thuế nhà thầu, Cục thuế TP Hà Nội có ý kiến như sau:

- Căn cứ Điều 3 Nghị định số 71/2007/NĐ-CP ngày 03/05/2007 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thực hiện một số điều của Luật công nghệ thông tin về công nghiệp công nghệ thông tin quy định:

*“Điều 3. Giải thích từ ngữ*

*1. Sản phẩm phần mềm là phần mềm và tài liệu kèm theo được sản xuất và được thể hiện hay lưu trữ ở bất kỳ một dạng vật thể nào, có thể được mua bán hoặc chuyển giao cho đối tượng khác khai thác, sử dụng.*

...

*10. Dịch vụ phần mềm là hoạt động trực tiếp hỗ trợ, phục vụ việc sản xuất cài đặt, khai thác, sử dụng, nâng cấp, bảo hành, bảo trì phần mềm và các hoạt động tương tự khác liên quan đến phần mềm.”*

- Căn cứ Khoản 13 Điều 4 Thông tư số 219/2013/TT-BTC ngày 31/12/2013 của Bộ Tài chính hướng dẫn thi hành Luật Thuế giá trị gia tăng và Nghị định số 209/2013/NĐ-CP ngày 18/12/2013 của Chính phủ quy định, chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều Luật Thuế giá trị gia tăng quy định đối tượng không chịu thuế GTGT:

*“13. ...Phần mềm máy tính bao gồm sản phẩm phần mềm và dịch vụ phần mềm theo quy định của pháp luật. ”*

- Căn cứ Thông tư số 103/2014/TT-BTC ngày 06/8/2014 của Bộ Tài chính hướng dẫn thực hiện nghĩa vụ thuế áp dụng đối với tổ chức, cá nhân nước ngoài kinh doanh tại Việt Nam hoặc có thu nhập tại Việt Nam.

+ Tại Khoản 1 Điều 1 Chương I quy định đối tượng áp dụng:

*“1. Tổ chức nước ngoài kinh doanh có cơ sở thường trú tại Việt Nam hoặc... không có cơ sở thường trú tại Việt Nam;...”*

+ Tại Điều 6 quy định đối tượng chịu thuế GTGT:

*“...2. Trường hợp hàng hóa được cung cấp theo hợp đồng dưới hình thức: điểm giao nhận hàng hóa nằm trong lãnh thổ Việt Nam (trừ trường hợp quy định tại khoản 5 Điều 2 Chương I); hoặc việc cung cấp hàng hóa có kèm theo dịch vụ tiến hành tại Việt Nam như lắp đặt chạy thử, bảo hành bảo dưỡng, thay thế, các dịch vụ khác đi kèm với việc cung cấp hàng hóa (bao gồm cả trường hợp dịch vụ kèm theo miễn phí), kể cả trường hợp việc cung cấp các dịch vụ nêu trên có hoặc không nằm trong giá trị của hợp đồng cung cấp hàng hóa thì giá trị hàng hóa chỉ phải chịu thuế GTGT khâu nhập khẩu theo quy định phần giá trị dịch vụ thuộc đối tượng chịu thuế GTGT theo hướng dẫn tại Thông tư này. Trường hợp hợp đồng không tách riêng được giá trị hàng hóa và giá trị dịch vụ đi kèm (bao gồm cả trường hợp dịch vụ kèm theo miễn phí) thì thuế GTGT được tính chung cho cả hợp đồng.”*

+ Tại Điều 8 quy định đối tượng và điều kiện áp dụng phương pháp kê khai.

+ Tại Điều 11 quy định về đối tượng và điều kiện áp dụng:

*“Nhà thầu nước ngoài, Nhà thầu phụ nước ngoài không đáp ứng được một trong các điều kiện nêu tại Điều 8 Mục 2 Chương II thì Bên Việt Nam nộp thay thuế cho Nhà thầu nước ngoài, Nhà thầu phụ nước ngoài theo hướng dẫn tại Điều 12, Điều 13 Mục 3 Chương II.”*

+ Tại Điều 12 quy định về thuế GTGT của nhà thầu nước ngoài nộp thuế theo phương pháp trực tiếp:

*“1. Doanh thu tính thuế GTGT.*

...

*b.2) Trường hợp Nhà thầu nước ngoài ký hợp đồng với Nhà thầu phụ Việt Nam hoặc Nhà thầu phụ nước ngoài thực hiện nộp thuế theo phương pháp kê khai hoặc Nhà thầu phụ nước ngoài nộp thuế theo phương pháp hỗn hợp để giao bớt một phần giá trị công việc hoặc hạng mục cho nhà thầu phụ được quy định tại Hợp đồng nhà thầu ký với Bên Việt Nam và danh sách các Nhà thầu phụ Việt Nam, Nhà thầu phụ nước ngoài thực hiện phần công việc hoặc hạng mục tương ứng được liệt kê kèm theo Hợp đồng nhà thầu thì doanh thu tính thuế GTGT của Nhà thầu nước ngoài không bao gồm giá trị công việc do Nhà thầu phụ Việt Nam hoặc Nhà thầu phụ nước ngoài thực hiện.*

...

2. Tỷ lệ % để tính thuế GTGT trên doanh thu:

a) Tỷ lệ % để tính thuế GTGT trên doanh thu đối với ngành kinh doanh:

STT	Ngành kinh doanh	Tỷ lệ % để tính thuế GTGT
1	Dịch vụ, cho thuê máy móc thiết bị, bảo hiểm; xây dựng, lắp đặt không bao thầu nguyên vật liệu, máy móc, thiết bị	5
2	Sản xuất, vận tải, dịch vụ có gắn với hàng hóa; xây dựng, lắp đặt có bao thầu nguyên vật liệu, máy móc, thiết bị	3
3	Hoạt động kinh doanh khác	2

b) Xác định tỷ lệ % để tính thuế GTGT trên doanh thu đối với một số trường hợp cụ thể:

b.1) Đối với các hợp đồng nhà thầu, hợp đồng nhà thầu phụ bao gồm nhiều hoạt động kinh doanh khác nhau hoặc một phần giá trị hợp đồng không thuộc diện chịu thuế GTGT, việc áp dụng tỷ lệ % để tính thuế GTGT trên doanh thu khi xác định số thuế GTGT phải nộp căn cứ vào doanh thu tính thuế GTGT đối với từng hoạt động kinh doanh do Nhà thầu nước ngoài, Nhà thầu phụ nước ngoài thực hiện theo quy định tại hợp đồng nhà thầu, hợp đồng nhà thầu phụ. Trường hợp không tách riêng được giá trị từng hoạt động kinh doanh thì áp dụng tỷ lệ % để tính thuế GTGT trên doanh thu cao nhất đối với ngành nghề kinh doanh cho toàn bộ giá trị hợp đồng....”

+ Tại Điều 13 quy định về thuế thu nhập doanh nghiệp theo phương pháp trực tiếp:

“Căn cứ tính thuế là doanh thu tính thuế TNDN và tỷ lệ (%) thuế TNDN tính trên doanh thu tính thuế

$$\text{Số thuế TNDN phải nộp} = \text{Doanh thu tính thuế TNDN} \times \text{Tỷ lệ thuế TNDN tính trên doanh thu tính thuế}$$

1. Doanh thu tính thuế TNDN

a) Doanh thu tính thuế TNDN

Doanh thu tính thuế TNDN là toàn bộ doanh thu không bao gồm thuế GTGT mà Nhà thầu nước ngoài, Nhà thầu phụ nước ngoài nhận được, chưa trừ các khoản thuế phải nộp. Doanh thu tính thuế TNDN được tính bao gồm cả các khoản chi phí do Bên Việt Nam trả thay Nhà thầu nước ngoài, Nhà thầu phụ nước ngoài (nếu có).

...

2. Tỷ lệ (%) thuế TNDN tính trên doanh thu tính thuế

a) Tỷ lệ (%) thuế TNDN tính trên doanh thu tính thuế đối với ngành kinh doanh:

<i>TT</i>	<i>Ngành kinh doanh</i>	<i>Tỷ lệ (%) thuế TNDN tính trên doanh thu tính thuế</i>
<i>1</i>	<i>Thương mại: phân phối, cung cấp hàng hóa, nguyên liệu, vật tư, máy móc, thiết bị;...</i>	<i>1</i>
<i>2</i>	<i>Dịch vụ, cho thuê máy móc thiết bị, bảo hiểm, thuê giàn khoan ,</i>	<i>5</i>
...		
<i>8</i>	<i>Thu nhập bản quyền</i>	<i>10</i>

...

*b) Tỷ lệ (%) thuế TNDN tính trên doanh thu tính thuế đối với một số trường hợp cụ thể:*

*b.1) Đối với các hợp đồng nhà thầu, hợp đồng nhà thầu phụ bao gồm nhiều hoạt động kinh doanh khác nhau, việc áp dụng tỷ lệ thuế TNDN tính trên doanh thu tính thuế khi xác định số thuế TNDN phải nộp căn cứ vào doanh thu chịu thuế TNDN đối với từng hoạt động kinh doanh do Nhà thầu nước ngoài, Nhà thầu phụ nước ngoài thực hiện theo quy định tại hợp đồng. Trường hợp không tách riêng được giá trị từng hoạt động kinh doanh thì áp dụng tỷ lệ thuế TNDN đối với ngành nghề kinh doanh có tỷ lệ thuế TNDN cao nhất cho toàn bộ giá trị hợp đồng.*

...”

Căn cứ các quy định nêu trên, trường hợp Nhà thầu nước ngoài ký hợp đồng với Công ty độc giả để cung cấp hệ thống thiết bị phân tích hóa học (bao gồm cả phần cứng và phần mềm điều khiển thiết bị, phân tích số liệu đo), nếu Nhà thầu nước ngoài không đáp ứng được một trong các điều kiện nêu tại Điều 8, Mục 2, Chương II Thông tư số 103/2014/TT-BTC thì Công ty độc giả có trách nhiệm kê khai, nộp thay thuế cho Nhà thầu nước ngoài theo hướng dẫn tại Điều 12, Điều 13 Mục 3 Chương II Thông tư số 103/2014/TT-BTC.

- Về thuế GTGT:

+ Sản phẩm phần mềm và dịch vụ phần mềm theo quy định của pháp luật thuộc đối tượng không chịu thuế GTGT.

+ Máy móc thiết bị (không đi kèm các dịch vụ được thực hiện tại Việt Nam): Công ty độc giả nộp thuế GTGT khâu nhập khẩu.

- Về thuế TNDN:

+ Đối với bản quyền phần mềm: Tỷ lệ % thuế TNDN tính trên doanh thu tính thuế là 10%.

+ Đối với máy móc thiết bị (không đi kèm dịch vụ được thực hiện tại Việt Nam): Tỷ lệ % thuế TNDN tính trên doanh thu tính thuế là 1%.

Trường hợp hợp đồng nhà thầu không tách riêng được giá trị từng hoạt động kinh doanh thì áp dụng tỷ lệ thuế GTGT, TNDN đối với ngành nghề kinh doanh có tỷ lệ thuế GTGT, TNDN cao nhất cho toàn bộ giá trị hợp đồng.

Trường hợp cụ thể, đề nghị Công ty độc giả cung cấp hồ sơ, tài liệu cụ thể và liên hệ với cơ quan Thuế quản lý trực tiếp để được hướng dẫn.

Cục thuế TP Hà Nội trả lời để Cổng thông tin điện tử - Bộ Tài chính được biết và hướng dẫn Độc giả thực hiện./.

***Nơi nhận:***

- Như trên;
- Tổng cục Thuế (để báo cáo);
- Phòng DTTC;
- Lưu: VT, TTHT(2).

**KT. CỤC TRƯỞNG  
PHÓ CỤC TRƯỞNG**

**Nguyễn Tiến Trường**